ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 47/2017/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7444
Ngày: 09/8/17
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2017.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị

trấn; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban đảng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh; VP HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: C, CPVP, các phòng N/c, CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.380

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 47 /2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ DUNG QUẤT VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI, CƠ QUAN CẤP PHÁT, THANH TOÁN

Điều 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan chủ trì quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP mời cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra các hạng mục thuộc không thuộc chuyên ngành. Khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

3. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 6, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều này và chủ đầu tư thực hiện nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Điều 13, Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các việc quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm i, Điểm l Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình dân dụng; công trình sản xuất vật liệu xây dựng; công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình đường ô tô, đường trong đô thị quy định tại Mục I; Khoản 1 Mục II; Khoản 7 Mục II; Mục III và Khoản 1 Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố (viết tắc là UBND cấp huyện) quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã) quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Mục I, Khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

4. Thẩm định thiết kế công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Quy định này; Tham mưu giúp UBND tỉnh giải quyết sự cố theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Quy định này.

7. Kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác sử dụng; có trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp được quy định tại Điều 22 Quy định này.

8. Báo cáo UBND tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

9. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quy định tại Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 4 Quy định này.

2. Giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, công trình do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi kiểm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và công trình thuộc trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quy định tại Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 4 Quy định này.

2. Giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP (trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho sở, ban, ngành,

UBND cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 4 Quy định này.

2. Giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại MụcV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này, cụ thể:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II, III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, III do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền cho Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư, hoặc do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

4. Kiểm tra thực hiện bảo trì công trình xây dựng do Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp III, IV; vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp III do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư và công trình cấp III trong Khu Kinh tế Dung Quất các Khu công nghiệp thuộc loại công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản II.2, Khoản II.3, Khoản II.4, Khoản II.5, Khoản II.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 05 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng trong Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Nhà nước và của UBND tỉnh.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và trong hồ sơ thanh quyết toán vốn đầu tư phải có văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng theo mẫu tại Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA PHÒNG CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG THUỘC UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ

Điều 10. Trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện các việc quy định tại Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật trừ công trình xử lý chất thải rắn theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp III, IV và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp III do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên thuộc cấp III.

c) Công trình cấp III, IV có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản này và Khoản 2 Điều 8 Quy định này.

3. Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 106 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và UBND tỉnh về sự cố theo quy định tại Điều 23 Quy định này.

4. Trường hợp phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an toàn cho việc khai thác sử dụng, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo cho UBND cấp huyện và thực hiện ngay các biện pháp xử đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT, THIẾT KẾ, THI CÔNG XÂY DỰNG, THÍ NGHIỆM

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 13. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

1. Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

2. Nhà thầu khảo sát có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát theo quy định của hợp đồng thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm khảo sát và tổ chức thực hiện biện pháp kiểm soát chất lượng quy định tại phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

3. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo nội dung được quy định tại Điều 15 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

4. Phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu, phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu.

2. Nội dung của nhiệm vụ khảo sát xây dựng; sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 12 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

3. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Lập nhiệm vụ thiết kế khi chủ đầu tư yêu cầu theo nội dung được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Lập Chỉ dẫn kỹ thuật khi chủ đầu tư yêu cầu được quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Quản lý chất lượng công tác thiết kế xây dựng được quy định tại Điều 20 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Thiết kế công trình xây dựng theo quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

đ) Có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra, phê duyệt , nghiệm thu lưu trữ thiết kế xây dựng công trình được quy định tại Điều 22 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình được quy định tại Điều 28 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát khảo sát xây dựng

1. Thực hiện giám sát công tác khảo sát xây dựng thường xuyên, có hệ thống từ khi bắt đầu khảo sát đến khi hoàn thành công việc.

2. Tổ chức giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; bên giao thầu

1. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng; bên giao thầu thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; bên

giao thầu thực hiện bảo hành chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị do mình cung cấp, lắp đặt được quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

3. Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình xây dựng

1. Nhà thầu kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định.

2. Lập đề cương kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình xây dựng trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

3. Thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng trong các trường hợp được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Trách nhiệm của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải lập phiếu kết quả thí nghiệm theo quy định tại Phụ lục III (kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).

Chương V

TRÁCH NHIỆM BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CHỊU LỰC VÀ AN TOÀN VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG, XỬ LÝ CÔNG TRÌNH CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM HOẶC HẾT HẠN SỬ DỤNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG TIẾP

Điều 21. Trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng; đánh giá an toàn toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm không đảm bảo an

toàn cho khai thác sử dụng; Xử lý công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm:

a) Tổ chức trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 37 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Lập kế hoạch bảo trì, tổ chức thực hiện bảo trì, quản lý chất lượng công việc bảo trì, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đối với các công trình và theo nội dung đánh giá được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Quy định này;

d) Phối hợp với chính quyền cấp xã, cấp huyện xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn sử dụng được quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 5 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

e) Đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp thực hiện các công việc theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quy định này để được xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

g) Đối với công trình hết thời hạn sử dụng không tiếp tục sử dụng thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 45 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu thấy cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải quy định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

Điều 22. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác đánh giá an toàn toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng:

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành kiểm tra công tác đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng công trình đối với công trình chuyên ngành từ cấp II trở xuống theo chuyên ngành

quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 của Quy định này;

2. Trách nhiệm thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp.

a) UBND tỉnh ủy quyền Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành thực hiện thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình chuyên ngành cấp I, II thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 của Quy định này;

b) UBND cấp huyện ủy quyền Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thông báo và thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với các công trình còn lại trên địa bàn;

c) Riêng đối nhà ở, thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Chương VI
SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 23. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; Báo cáo sự cố công trình xây dựng; Giải quyết sự cố công trình xây dựng; Hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

3. Giải quyết sự cố, phân cấp trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng.

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Các Sở quản lý công trình chuyên ngành, UBND cấp huyện tham mưu giúp UBND tỉnh giải quyết sự cố cấp I, II; Phòng có chức năng quản lý xây dựng giúp UBND cấp huyện giải quyết sự cố cấp III và thực hiện các công việc quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 24. Thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Thẩm quyền chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp I công trình xây dựng chuyên ngành và đối với sự cố công trình gây hậu quả nghiêm trọng của các Bộ quản lý công trình chuyên ngành, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III công trình xây dựng, quy định như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 6, Khoản 2 Điều 7 Quy định này;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ. UBND cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định nguyên nhân sự cố;

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất UBND tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố các công trình chuyên ngành.

3. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, hồ sơ sự cố công trình được quy định tại Khoản 3, 4 Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình khởi công trước ngày 01/7/2015, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công trình khởi công sau ngày 01/7/2015, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đối với chủ đầu tư trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi

công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn theo phân cấp; xác định các tổ chức, cá nhân nhiều lần vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, UBND tỉnh và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng